TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK GLONG** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự dop – Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2023/DSST Ngày 20-7-2023. *"V/v Tranh chấp HĐ hợp tác".*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK GLONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Hòe và ông Thái Hoàng Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Th – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng hợp tác"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 08/2023/TB-TA ngày 20/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

Ng đơn: Chị Vũ Thị Ng, sinh năm 1987. Có mặt

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn H. Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Bon M, xã N1, thành phố P, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị Thu Th. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ng đơn chị Vũ Thị Ng trình bày: Từ năm 2018, tôi và ông Nguyễn Tuấn H có hợp tác làm ăn với nhau, trong đó tôi là người bán dịch chanh dây

cho ông H, còn ông H là người thu mua. Đến năm 2019 thì tôi và ông H có thỏa thuận với nhau về việc ông H cho tôi mượn nhà xưởng của ông H trên diện tích đất thuộc thửa đất số 114 tờ bản đồ số 26 diện tích 5.135m^2 có giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông Nguyễn Tuấn H. Tôi sẽ bỏ chi phí sửa chữa, xây dựng một số hạng mục trên nhà xưởng để phục vụ cho việc sản xuất dịch chanh dây và bán lại cho ông H. Khi ông H cho mượn kho xác định là cho mượn lâu dài, không xác định thời gian cụ thể. Năm 2021 tôi đã bỏ chi phí để sửa chữa kho lạnh, làm 02 nhà múc sạch, sửa chữa xưởng và làm đường đi, hệ thống thoát nước… nhằm mục đích sản xuất dịch chanh dây sạch, đủ tiêu chuẩn để cung cấp cho ông H. Sau khi tôi đầu tư vào nhà xưởng và bắt đầu sản xuất dịch chanh dây thì vào khoảng tháng 02/2022 ông H chuyển nhượng thửa đất cho ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Thu Th nhưng không thông báo cho tôi. Sau đó ông Đ không cho tôi đưa hàng hóa và xưởng để hoạt động sản xuất nên đã pH dừng từ đó cho đến nay. Hiện nay diện tích đất ông Đ đã tiếp nhận và quản lý sử dụng, các tài trên đất ông H đã bàn giao cho ông Đ còn các tài sản tôi tạo lập ông H chưa giải quyết cho tôi. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tuấn H pH thanh toán các chi phí tôi đã bỏ ra để tạo lập tài sản trên đất tổng cộng là 592.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Tuấn H trình bày: Tôi thừa nhận giữa tôi và chị Ng có hợp tác làm ăn với nhau, trong đó chị Ng là người bán dịch chanh dây cho tôi, còn tôi là người thu mua. Tôi cũng đồng ý cho chị Ng mượn nhà xưởng của tôi tại thửa đất số 114 tờ bản đồ số 26 diện tích 5.135m^2 có giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông Nguyễn Tuấn H để chị Ng sửa chữa, tạo lập thêm một số hạng mục để sản xuất dịch chanh dây cung cấp cho tôi; việc thỏa thuận cho mượn xưởng và thu mua dịch chanh dây chỉ trao đổi miệng với nhau, không lập thành văn bản. Năm 2021, chị Ng có sửa cửa xưởng, gạt đường lên xưởng, hệ thống thoát nước, hố gar, máy lạnh và lắp đặt mới một số hạng mục khác như: Phòng múc chanh (Phòng múc dịch sạch số 2 theo biên bản xem xét thẩm định của Tòa án) chị Ng tạo lập thêm có 56 tấm Ba lem, gạch tường (dài 2,6m x rộng 0,9m x 56 tấm; nóc phòng (trần) dài 5,1m x 0,9m x 23 tấm; nền lót gạch, gạch chân tường.

- Phòng múc phụ (Phòng múc dịch sạch số 1 theo biên bản xem xét thẩm định của Tòa án) chị Ng tạo lập thêm bằng tấm Alu và khung sắt.

- Cửa phòng múc chanh: Cửa phòng 1 03 cái; cửa phòng 2 02 cái.

- 02 quạt to

- 10 quạt nhỏ

- Một số vật tư khác dùng vào việc tạo lập các tài sản trên như: cát xây và cát tô, gạch, xi măng.

Số lượng chi tiết tôi đã khai khai và nộp cho Tòa án với tổng chi phí tôi xác định là 204.926.000 đồng tại thời điểm tháng 7/2022, hiện nay giá trị các tài sản chị Ng tạo lập thêm đã giảm hơn so với thời điểm tháng 7/2022.

Trước khi tôi chuyển nhượng đất cho ông Đ tôi cũng đã thông báo cho chị Ng từ tháng 02/2022 đến tháng 3/2022 tôi mới bắt đầu nhận đặt cọc của ông Đ và tháng 4/2022 tôi và ông Đ mới hoàn thành thủ tục chuyển nhượng. Khi đó chúng tôi cũng thống nhất tôi sẽ cho chị Ng kho lạnh cũ của tôi còn ông Đ hỗ trợ cho chị Ng di dời các tài sản của chị Ng là 100.000.000 đồng. Tháng 5/2022 tôi đã lập biên bản bàn giao các tài sản của tôi cho ông Đ còn các tài sản của chị Ng thì giữa ông Đ và chị Ng giải quyết với nhau. Hiện nay chị Ng khởi kiện yêu cầu tôi thanh toán các chi phí chị Ng đã tạo lập trên đất thì tôi có ý kiến như sau: Đối với các vật liệu và tiền công tạo lập thì tôi đồng ý thanh toán các khoản như tôi đã kê khai nêu trên là 204.926.000 đồng theo giá trị tôi xác định tại thời điểm tháng 7/2022. Đối với chi phí sửa chữa cửa xưởng, gạt đường lên xưởng, hệ thống thoát nước, hố gar, máy lạnh là để phục vụ cho việc sản xuất của chị Ng thì chị Ng pH chịu các khoản này. Về yêu cầu khởi kiện của chị Ng tôi đề nghị các bên thực hiện phương án giải quyết như đã thống nhất trước đây là chị Ng tháo dỡ tài sản tôi đồng ý để lại cho chị Ng kho lạnh của tôi, còn ông Đ hỗ trợ chị Ng 100.000.000 đồng. Trường hợp chị Ng và ông Đ không đồng ý thì tôi đồng ý thanh toán chi phí các tài sản bà Ng tạo lập mới trên đất như tôi đã kê khai, còn các chi phí sửa chữa để phục vụ cho việc sản xuất của chị Ng thì tôi không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Đ và bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày: Vợ chồng tôi là người nhận chuyển nhượng thửa đất số 114, tờ bản đồ số 26 của ông Nguyễn Tuấn H, các bên đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng sang tên cho vợ chồng tôi. Chúng tôi không biết việc thỏa thuận hợp tác làm ăn giữa chị Vũ Thị Ng và ông Nguyễn Tuấn H. Khi tôi nhận chuyển nhượng đất thì ông H có nói đất đang cho đứa cháu ở nhờ và sẽ bảo họ bàn giao đất cho vợ chồng tôi. Tuy nhiên khi chúng tôi nhận đất thì chị Ng không cho chúng tôi sử dụng với lý do đang làm ăn với ông H chưa giải quyết xong với ông H phần tài sản chị Ng trên đất. Sau đó ông H có bàn giao đất và tài sản của ông H trên đất cho tôi có sự chứng kiến của chị Ng và chị Ng đồng ý việc bàn giao đất và tài sản của ông H. Tuy nhiên chị Ng yêu cầu ông H giải quyết các tài sản của chị Ng tạo lập trên đất thì hai bên không thống nhất được nên các bên ra về. Một thời gian sau ông H có đến kiểm kê tài sản của chị Ng và có nói với tôi để đền bù giá cả cho chị Ng. Ông H kiểm kê tài sản gì thì tôi không biết nhưng các tài sản khi Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là do chị Ng tạo lập. Đối với tranh chấp giữa chị Ng và ông H chúng tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì, chúng tôi chỉ đề nghị các bên sớm giải quyết tranh chấp để chúng tôi được sử dụng đất của mình. Chúng tôi thấy

tranh chấp giữa chị Ng và ông H không liên quan đến vợ chồng tôi nên chúng tôi xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết.

Ngày 30/5/2023 Ng đơn chị Vũ Thị Ng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 178.279.000đ. Số tiền còn lại chị Ng yêu cầu ông H pH trả là 413.721.000đ.

Kết quả định giá đối với tài sản chị Ng tạo lập theo chứng thư thẩm định giá ngày 13/9/2022 có giá trị 413.721.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKSND huyện Đăk Glong đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ng. Buộc ông Nguyễn Tuấn H pH trả cho chị Vũ Thị Ng một phần chi phí tạo lập tài sản theo kết quả định giá là 206.860.500 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với phần còn lại có giá trị 206.860.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Ng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tuấn H bồi hoàn số tiền đầu tư vào nhà xưởng là 592.000.000đ nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng hợp tác" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ng đơn lựa chọn Tòa án nơi thực hiện hợp đồng tại Thôn Quảng Tiến, xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét hợp đồng hợp tác giữa chị Vũ Thị Ng và ông Nguyễn Tuấn H HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị Ng và ông H đều thừa nhận các bên có hợp tác làm ăn với nhau trong việc cung cấp dịch chanh dây. Năm 2019 giữa chị Ng và ông H thỏa thuận ông H cho chị Ng mượn nhà xưởng tại thửa đất số 114 tờ bản đồ số 26 diện tích 5.135m^2 có giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên ông Nguyễn Tuấn H để chị Ng sửa chữa, tạo lập thêm một số hạng mục để sản xuất dịch chanh dây cung cấp cho ông H. Việc thỏa thuận cho mượn đất nhà xưởng và thu mua dịch chanh dây chỉ trao đổi miệng với nhau, không lập thành văn bản. HĐXX xét thấy việc thỏa thuận hợp tác làm ăn giữa hai bên là có thật, tuy nhiên hợp đồng các bên chỉ thỏa thuận miệng không lập thành văn

bản nên đã vô hiệu do vi phạm hình thức của hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 504 BLDS năm 2015.

Khoản 2 Điều 504 Bộ luật Dân sựu 2015 quy định:

1. Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

2. Hợp đồng hợp tác pH được lập thành văn bản.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ng HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị Ng cho rằng, năm 2021 chị đã bỏ chi phí để sửa chữa kho lạnh, làm 02 nhà múc sạch, sửa chữa xưởng và làm đường đi, hệ thống thoát nước… nhằm mục đích sản xuất dịch chanh dây sạch, đủ tiêu chuẩn để cung cấp cho ông H. Sau khi đầu tư vào nhà xưởng và bắt đầu sản xuất dịch chanh dây thì vào khoảng tháng 02/2022 ông H chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Thu Th nhưng không thông báo cho chị. Sau đó ông Đ không cho chị đưa hàng hóa và xưởng để hoạt động sản xuất nên đã pH dừng từ đó cho đến nay. Chị Ng yêu cầu ông H pH bồi thường số tiền chị đã đầu tư vào nhà xưởng là 413.721.000đ (theo kết quả định giá).

[4] Xét lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu: Theo quy định tại khoản 2 Điều 504 BLDS năm 2015 quy định hợp đồng hợp tác pH lập thành văn bản, do hợp đồng giữa chị Ng và ông H chỉ thỏa thuận miệng nên đã vi phạm về hình thức của hợp đồng. Vì vậy lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu được xác định là lỗi hỗn hợp 50/50 của cả hai bên. Do lỗi dẫn đến hợp đồng hợp tác vô hiệu là của 2 bên nên mỗi bên pH chịu ½ thiệt hại.

[5] Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ng, buộc ông Nguyễn Tuấn H pH bồi thường cho chị Vũ Thị Ng số tiền 413.721.000đ : 2 = 206.860.500 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ng đối với số tiền 206.860.500 đồng.

[6] Đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Ng không yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu, chỉ yêu cầu phần bồi thường. HĐXX xét thấy để giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu cần pH tuyên hợp đồng hợp tác giữa chị Vũ Thị Ng và ông Nguyễn Tuấn H vô hiệu mới đúng quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị của VKSND huyện Đăk Glong là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chị Vũ Thị Ng, ông Nguyễn Tuấn H mỗi người pH chịu 1.400.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Chi phí định giá tài sản: Chị Vũ Thị Ng, ông Nguyễn Tuấn H mỗi người pH chịu 2.379.000đ chi phí định giá tài sản.

Chị Vũ Thị Ng đã nộp tạm ứng số tiền trên, buộc ông Nguyễn Tuấn H pH trả cho chị Vũ Thị Ng số tiền 1.400.000đ + 2.379.000đ = 3.779.000đ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Vũ Thị Ng, ông Nguyễn Tuấn H mỗi bên pH chịu 10.343.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, hoàn trả cho chị Ng số tiền 3.497.000đ tạm ứng án phí còn lại theo biên lai số 0004270 ngày 28/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong.

[10] Về quyền kháng cáo: Ng đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 143; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217 ; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 131; Điều 407; Điều 504; 505; 512 BLDS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ng.

1.1 Tuyên bố hợp đồng hợp tác giữa chị Vũ Thị Ng và ông Nguyễn Tuấn H vô hiệu.

1.2 Buộc ông Nguyễn Tuấn H pH bồi thường cho chị Vũ Thị Ng số tiền 206.860.500 đồng *(Hai trăm lẻ sáu triệu tám trăm sáu mươi nghìn năm trăm đồng)*.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu thêm cho bên được thi hành án một khoản lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.3 Bác một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Ng đối với số tiền 206.860.500 đồng.

1.4 Đình chỉ đối với số tiền 178.279.000 đồng chị Vũ Thị Ng rút yêu cầu khởi kiện.

2. Về chi phí tố tụng:

2.1 Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.800.000 đồng. Chị Vũ Thị Ng, ông Nguyễn Tuấn H mỗi người pH chịu 1.400.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

2.2 Chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản là 4.758.000 đồng. Chị Vũ Thị Ng, ông Nguyễn Tuấn H mỗi người pH chịu 2.379.000đ chi phí định giá tài sản.

Chị Vũ Thị Ng đã nộp tạm ứng số tiền trên, buộc ông Nguyễn Tuấn H pH trả cho chị Vũ Thị Ng số tiền 1.400.000đ + 2.379.000đ = 3.779.000đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Ng, ông Nguyễn Tuấn H mỗi người pH chịu 10.343.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, hoàn trả cho chị Vũ Thị Ng số tiền 3.497.000 đồng tạm ứng án phí còn lại theo biên lái số 0004270 ngày 28/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Glong.

4. Về quyền kháng cáo: Ng đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Đăk Glong;*
- *Chi cục THA huyện Đăk Glong;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thanh Phong